The Virtues Series

BÉ HỌC LỄ GIÁO

Bài học về **tính kiên nhẫn**

Đã đến lúc Zara lớn khôn

Zara's time to grow

SONG NGỮ ANH-VIỆT

First News

Ken Spillman – James Tan

Biên dịch: Bùi Thị Ngọc Hương

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

ĐÃ ĐẾN LÚC ZARA LỚN KHÔN

First News

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm bản thảo:

HOÀNG THỊ HƯỜNG

Biên tập: Nguyễn Thị Hoài Thanh

Bìa: Nguyễn Hùng

Trình bày: Bích Trâm

Sửa bản in: Lê Thị Kim Hồng

Tác giả: Ken Spillman

Minh họa: James Tan

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP.HCM

ĐT: 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.8.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn / Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM - ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP.HCM - ĐT: 39 433 868

Thực hiện liên kết

Công ty TNHH Văn hóa Sáng tạo Trí Việt (First News)

11H Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

In lần thứ 1, số lượng 4.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty Cổ phần In Vườn Lài (106 Đào Duy Từ, P. 5, Q. 10, TP. HCM). Xác nhận đăng ký xuất bản số 4637-2016/CXBIPH/06-328/THTPHCM ngày 19/12/2016 - QĐXB số 1632/QĐ - THTPHCM-2016 ngày 21/12/2016. In xong và nộp lưu chiểu quý I/2017. ISBN: 978-604-58-5917-9.

THÂN GỬI QUÝ PHỤ HUYNH VÀ QUÝ THẦY CÔ GIÁO,

Chúng ta vẫn thường lấy làm ngạc nhiên rằng đôi khi những điều tưởng chừng như nhỏ bé, bình dị và hết sức đơn giản lại có thể có ảnh hưởng rất lớn đến con trẻ.

Trong bộ sách này, tác giả Ken Spillman hoàn toàn không giáo dục các em theo một khuôn mẫu lễ giáo cứng nhắc, mà thay vào đó, ông đã dùng chính góc nhìn của trẻ thơ để biểu đạt rõ nét những cảm xúc, sự nhạy cảm và chiều sâu suy nghĩ trong mỗi tình huống cuộc sống hằng ngày mà các em có thể đã, đang và sẽ gặp, song chưa có cách cư xử hay suy nghĩ thích hợp.

Bộ sách THẦN ĐỒNG TIẾNG ANH - BÉ HỌC LỄ GIÁO là những câu chuyện đời thường, sinh động giúp các em hiểu rõ rằng những chọn lựa, những lời hứa, những cách cư xử tuy nhỏ nhưng sẽ góp phần lớn trong việc xây dựng nên tính cách, lễ giáo của mỗi người.

Mỗi nhân vật tí hon sẽ thuật lại câu chuyện và cách giải quyết tình huống của riêng mình, từ đó các độc giả nhí sẽ có thể nhìn nhận lại bản thân, học hỏi thêm điều mới. Nhờ vậy, tính cách tích cực sâu thẳm trong các em sẽ phát triển một cách tự nhiên.

Hơn nữa, có nhiều nghiên cứu cho rằng văn học có sức mạnh to lớn trong việc định hình trí tuệ và tâm hồn của trẻ em. Theo học giả Gates và Mark: “Thông qua cánh cửa văn học, chúng ta được bước vào một thế giới vô hình, một thế giới cho phép chúng ta có sự nhìn nhận, cảm thông, thấu hiểu đến mức cuối cùng sẽ làm thay đổi chính cách chúng ta nhìn nhận bản thân và cuộc sống”.

Vì thế, điểm đặc biệt nữa của bộ sách này nằm ngay chính bản thân câu chữ tiếng Anh được chọn lọc từ 5.000 từ vựng căn bản dành cho trẻ em.

Mỗi tập truyện chứa gần 1.000 từ vựng tiếng Anh thông dụng sẽ giúp các em vừa trau dồi vốn từ vừa nâng cao khả năng đọc hiểu và cách xử lý ngôn từ mang đậm tính văn học của mình. Những từ khó sẽ được in nghiêng để các em có thể học thêm.

Tôi tin chắc các em sẽ đạt được những điều này qua bộ sách này của Ken Spillman.

Tiến sĩ - Giáo sư phụ tá Myra Garces-Bacsal,

Điều phối viên Chương trình Thạc sĩ chất lượng cao

Học viện Giáo dục Quốc gia, Singapore

CHAPTER 1 - CHƯƠNG 1

"It's ready! It must be ready - look, I can see. Can we take it out?"

Zara liked baking with her mother. She liked the zzjjhherrr sound of the *electric mixer* and loved licking the spoon when all the ingredients had been added. She also liked eating cakes and biscuits while they were still warm.

***

"Chín rồi mẹ ơi! Chắc chắn là chín rồi - mẹ nhìn nè, con có thể nhìn thấy mà. Mình lấy nó ra được chưa mẹ?"

Zara rất thích nướng bánh cùng mẹ. Cô thích âm thanh griiiii vui tai của *máy đánh trứng* bằng điện và khoái liếm sạch bong chiếc muỗng sau khi tất cả các nguyên liệu đã được thêm vào tô. Cô cũng mê ăn bánh ngọt và bánh quy khi chúng vẫn còn âm ấm.

***

The one thing Zara didn't like was watching the clock or waiting for the *timer* to ring.

"Look, it's done," Zara insisted, peering through the glass. With her hand in a mitt, she took hold of the handle and opened the oven a little. Zara called out to her mother. "Ibu, it's gold, it's a nice gold colour! It's *risen* like it should! Let's take it out. Can I do it myself?"

***

Điều duy nhất Zara *không* thích là canh đồng hồ hay chờ *bộ đếm thời gian* reo lên.

"Nhìn nè mẹ, chín rồi mà!", Zara khăng khăng và chăm chú nhìn

xuyên qua cửa kính lò nướng. Cô mang găng tay, rồi nắm lấy tay cầm cửa lò và mở he hé. Zara reo lên với mẹ: “Mẹ ơi, bánh vàng rồi, vàng ươm tuyệt đẹp luôn! Bánh *nở phồng* lên rồi mẹ nè! Chúng ta lấy nó ra nhé! Con có thể tự làm không ạ?”.

Her mother looked at the clock. “Oh, Zara, pleeease! You haven’t opened the oven and let the heat out, have you? It needs at least another five minutes - maybe ten. But if you’ve let the heat out, you might have…”

“But, Ibu(*), it’s ready, look!”

(*) Mommy

“Darling, it might look ready, but the middle will still be soggy. Please - you need to wait.”

***

Mẹ cô nhìn đồng hồ. “Ôi, Zara, đừngggggg! Con đã bao giờ mở lò lấy đồ nướng ra đâu? Cần ít nhất năm phút nữa - mà có khi phải đến mười phút ấy. Con mà lấy bánh ra bây giờ thì…”

“Nhưng, mẹ ơi, nó chín rồi mà. Mẹ nhìn đi!”

“Con yêu à, nó trông có vẻ chín bên ngoài vậy thôi chứ ở giữa vẫn còn sống đấy. Nghe lời mẹ - con cần phải chờ.”

“Waiting,” Zara thought.

Was there anything worse? Zara even hated waiting for something she didn’t want to happen. Much better to get those things over and done with.

Waiting for things she wanted was even worse. In Zara’s opinion, whoever invented waiting also invented homework.

Zara jumped up and down on the spot. “Ibu, I don’t want the cake to be dry. I want to take it out now!”

“Five more minutes,” her mother replied, but Zara continued to *nag* and finally Ibu gave in.

***

“Chờ với chả đợi”, Zara thầm nghĩ.

Còn điều gì tệ hơn nữa không nhỉ? Zara thậm chí rất ghét phải đợi chờ một việc mà cô không muốn nó xảy ra cơ. Tốt hơn hết là vượt qua và kết thúc nó lẹ lẹ.

Nhưng chờ đợi những điều mà cô muốn lại còn tệ hơn. Theo ý của Zara, người sáng tạo ra hành động chờ đợi cũng không khác gì người phát minh bài tập về nhà.

Zara nhảy tưng tưng tại chỗ. “Mẹ ơi, con không muốn bánh ngọt khô cứng đâu. Con muốn lấy nó ra ngay bây giờ!”

“Năm phút nữa thôi”, mẹ trả lời, nhưng Zara tiếp tục *làm nũng* và cuối cùng mẹ cũng đành phải nhượng bộ.

Zara looked at the cake proudly. The top had formed into a *mound*. The smell of it filled the kitchen.

It was the best cake EVER.

***

Zara ngắm nghía cái bánh đầy tự hào. Mặt bánh nở phồng lên thành *ụ*. Mùi thơm lan khắp phòng bếp.

Đây là cái bánh ngọt tuyệt vời nhất TỪ TRƯỚC ĐẾN GIỜ.

Then, as Zara watched it cool, craving madly for the moment she could taste her *masterpiece*, the cake started to *collapse*.

The middle fell and fell, like a balloon *deflating*.

Ibu put her hand on Zara's shoulder. "I told you, darling. Oh, I really wish you'd learn!"

***

Và rồi, khi Zara sốt ruột chờ nó nguội, vừa háo hức thèm muốn giây phút được thưởng thức *kiệt tác* của mình, thì cái bánh bắt đầu *xẹp xuống*.

Chính giữa bánh lõm dần, lõm dần, giống như quả bóng bị *xì hơi*.

Mẹ đặt tay lên vai Zara. "Mẹ đã nói rồi mà con yêu. Ôi, mẹ thực sự mong con học được kinh nghiệm lần này!"

CHAPTER 2 - CHƯƠNG 2

Zara had been impatient since the day she was born.

As a baby she had driven her parents crazy. Now that she was older, they could reason with her. Sometimes, it worked. Often, there was nothing that Ibu or Ayah(*) could say or do to make her calm down and wait.

(*) Daddy

***

Zara luôn thiếu kiên nhẫn từ khi mới chào đời.

Từ ngày còn nhỏ xíu, cô đã khiến ba mẹ phải điên đầu. Giờ đây, khi Zara đã lớn hơn, ba mẹ đã có thể giải thích cho cô. Thỉnh thoảng lời khuyên của ba mẹ cũng hiệu quả đấy. Nhưng thường thì không có điều gì mà mẹ hay ba có thể nói hay làm mà khiến cô bé bình tĩnh và chờ đợi.

***

Zara's teenage sister baited her endlessly.

"Ayah is planning something special for Ibu," Farah might say. "I'm not allowed to tell you about it because he knows you'll blow his secret."

Or, "You are SO going to love what you're getting for your birthday."

***

Chị gái tuổi teen của Zara luôn không ngừng trêu chọc cô bé.

"Ba đang định làm một điều gì đó đặc biệt cho mẹ", có lẽ chị Farah

sẽ nói. “Nhưng chị không được phép nói với em đâu vì ba biết em sẽ làm lộ bí mật mất thôi.”

Hay, “Em sẽ CỰC thích món quà em sẽ nhận được cho ngày sinh nhật của em đấy”.

To Zara, this was pure *torture*. Farah knew it.

She never let Zara use any of her things without making her wait. “Yes, you can play on my phone,” she would say. “But only if you leave me in peace until five o’clock.”

Đối với Zara, điều này hoàn toàn là một *sự tra tấn*. Farah biết như vậy.

Cô chị chưa bao giờ để cho Zara sử dụng bất kỳ đồ vật gì của mình mà không bắt cô bé đợi chờ. “Được, em có thể chơi điện thoại của chị”, chị ấy nói. “Nhưng với điều kiện em phải để cho chị yên đến đúng năm giờ.”

***

Zara’s grandmother had a saying for everything.

“Good things come to those who wait,” Nenek(*) liked to say. She had another saying too: “*Patience* is a *virtue*.”

(*) Grandmother

***

Bà của Zara luôn có câu châm ngôn cho tất cả mọi việc.

“Những điều tốt đẹp sẽ đến với những ai biết chờ đợi”, bà thích nói như vậy. Bà còn có một câu khác nữa: “*Kiên nhẫn* là một *đức tính tốt*”.

When Nenek explained to Zara what this meant, she also said that patience was often *rewarded*.

"But, Nenek," Zara argued, "Ayah says that the early bird gets the worm. What if it waited? It might starve!"

Nenek laughed. "Well, that may be true sometimes," she admitted. "First in, best dressed - that's an old saying too. But being able to wait when you need to, that's important. No use getting anxious about things that take time."

Zara thought she understood.

But how could she change the way she felt?

***

Khi giải thích cho Zara hiểu câu châm ngôn có nghĩa gì, bà cũng nói rằng sự kiên nhẫn thường được *tưởng thưởng*.

"Nhưng, bà ơi", Zara cãi, "ba nói rằng con chim nào đến sớm thì mới bắt được sâu. Nếu nó chờ thì sẽ như thế nào ạ? Chắc nó sẽ chết đói mất thôi!"

Bà cười to. “À, đôi lúc điều này cũng đúng”, bà thừa nhận. “Tới trước, phục vụ trước - đây cũng là một câu tục ngữ xưa. Nhưng có thể đợi khi cần đợi, đó mới là điều quan trọng. Chẳng ích gì khi cứ sốt ruột về những thứ tốn thời gian.”

Zara nghĩ cô đã hiểu.

Nhưng làm thế nào cô có thể thay đổi cách cảm nhận của mình cơ chứ?

***

It was Nenek’s idea to help Zara start a *balcony* garden.

“There’s nothing better than a garden to teach patience,” she told Zara’s mother. “You can’t force a plant to grow. There is no use pulling ginger if it isn’t ready. And if you cut flower *buds* too young, they’ll probably never open.”

***

Chính những ý tưởng của bà đã giúp Zara bắt đầu làm một khu vườn trên *ban công*.

“Không việc gì rèn tính kiên nhẫn tốt hơn là chăm sóc vườn cây”, bà nói với mẹ của Zara. “Con không thể ép một cái cây phải lớn nhanh. Cũng chẳng ích gì nếu nhổ gừng khi nó chưa đủ chín. Và nếu con cắt những *nụ* hoa còn quá non, có thể nó sẽ không bao giờ nở.”

Ibu was doubtful that Nenek's simple plan would work.

"Knowing Zara," she said, "she'll say she's bored with the garden if it doesn't produce anything on the first day. But let's see - anything would be worth a try!"

***

Mẹ nghi ngờ kế hoạch đơn giản của bà sẽ thành công.

"Con biết tính bé Zara rồi đó", bà nói, "con bé sẽ than chán về khu vườn nếu nó không tạo ra được bất cứ gì trong ngày đầu tiên. Nhưng chúng ta hãy chờ xem - dù gì cũng đáng để thử!"

CHAPTER 3 - CHƯƠNG 3

Zara's mother said Nenek had *green fingers*. And, for as long as Zara could remember, Nenek had been nagging Ibu to make more use of the balcony.

Now that she had Ibu's permission to work with Zara on it, there was no stopping her.

***

Mẹ của Zara nói rằng bà là người *mát tay*. Và, từ hồi Zara có thể nhớ được, bà từng thuyết phục mẹ tận dụng ban công nhiều hơn.

Bây giờ mẹ đã đồng ý để bà cùng Zara làm vườn trên ban công, nên chẳng việc gì có thể khiến bà dừng kế hoạch này.

First, a man delivered a large tub containing a dwarf lemon tree. This was pushed to the sunniest side of the balcony, and Nenek

gave Zara six strawberry plants to be arranged around its trunk. Alongside it, tomatoes and chillies were planted in a smaller tub.

Under the balcony rail, long planter boxes were sown with beans, okra, kale, radishes and a few *herbs*.

***

Đầu tiên, người ta giao đến một cái chậu to trồng một cây chanh bé tí xíu. Chậu cây được đặt ở phía nhiều nắng nhất trên ban công, và bà đưa cho Zara sáu cây dâu tây để đặt quanh chậu cây chanh. Dọc theo ban công, cà chua và ớt được trồng trong các chậu nhỏ hơn.

Dưới thành ban công, các hộp dài được dùng để gieo các loại hạt đậu, đậu bắp, cải xoăn kale, củ cải đỏ và một số loại *rau thơm*.

Within weeks the balcony had become a small green *oasis* overlooking the city.

The garden looked wonderful, and Zara talked about it *endlessly*.

***

Chỉ trong vài tuần, ban công đã biến thành một *ốc đảo* nhỏ xanh mướt nhìn xuống thành phố.

Khu vườn trông thật tuyệt, và Zara cứ luôn miệng nói về nó *không ngớt*.

Zara also wanted her garden to hurry up.

It took forever for the beans and seeds to poke their tiny shoots through the soil.

It seemed to take ages for them to grow. Zara picked the baby kale just as fast as the plants could produce leaves, and the plants soon died. She *plucked* herbs continually.

***

Zara cũng muốn vườn cây của mình lớn thật nhanh.

Phải thật, thật lâu các hạt đậu và hạt mầm mới chịu đâm những nụ chồi tí hon lên khỏi mặt đất.

Có vẻ như phải mất hàng nhiều năm chúng mới lớn lên được. Zara nhổ cải xoăn non ngay khi chúng mới nảy lá, thế là chúng chết ngay sau đó. Rồi cô liên tục *nhổ* các cây rau thơm.

The strawberry plants flowered and Zara flooded them with water, hoping they would produce fruit sooner. The water kept draining through the tub and pooled on the balcony floor, attracting insects of all shapes and sizes.

Maybugs damaged the roots of the vegetables. *Weevils* feasted on Zara's strawberries before they were ripe enough to pick.

***

Khi những cây dâu tây ra hoa, Zara tưới ngập nước, hy vọng chúng sẽ nhanh kết trái. Nước tràn ra khỏi chậu và chảy lênh láng trên sàn ban công, thu hút côn trùng đủ loại hình dạng và kích thước đến.

Bọ da phá hủy rễ của các loại rau. *Mọt ngũ cốc* chén no nê những quả dâu tây của Zara trước khi chúng kịp chín để hái.

***

Nenek *sprayed* the plants with an organic oil, but it was too late.

"It's okay, Zara," Nenek comforted. "We'll get rid of the pests and plant some more. Gardening is all about making mistakes and remembering them. We live and learn."

***

Bà *phun* tinh dầu hữu cơ cho các cây, nhưng đã quá trễ.

“Không sao cả, Zara”, bà an ủi. “Chúng ta cũng sẽ phải diệt trừ đám sâu bọ và trồng thêm cây mà. Làm vườn thì lúc nào cũng phạm phải sai lầm và phải nhớ lấy những điều đó. Chúng ta sống và học hỏi mà.”

The water, greenery and insects also attracted birds. One day, Zara noticed a bird building a nest. It was lodged between the balcony’s ceiling and wall, directly above her little lemon tree.

“It’s a *sparrow*,” Ibu told her. “They’re all over. Her mate would be nearby, too - they nest in pairs.”

***

Nước, cây xanh và côn trùng cũng thu hút chim chóc. Một ngày kia, Zara để ý thấy một con chim đang làm tổ. Cái tổ được xây giữa trần ban công và vách tường, ngay phía trên cây chanh nhỏ của cô.

“Đó là một con *chim sẻ*”, mẹ nói. “Chúng sắp làm xong rồi. Con chim trống chắc cũng quanh quẩn đâu đây thôi - loài này làm tổ theo đôi.”

Farah came out to see, but didn't seem pleased. "Oh, great. When her chicks hatch, we'll hear them cheep-cheep-cheeping for food, non-stop."

"Oh really, Farah, you must learn to appreciate nature," Ibu scolded. "We're all part of an ecosystem, you know. New life is always special. Wait till you see how cute the baby birds are!"

Farah cũng ra ngoài xem thử, nhưng có vẻ không thích. "Ồ, tuyệt ghê! Khi chim non nở, chúng ta sẽ phải nghe chúng kêu chíp chíp đòi ăn suốt ngày."

“Ôi thật sao, Farah? Con cần phải học cách biết trân trọng thiên nhiên!”, mẹ gắt. “Chúng ta là một phần của hệ sinh thái, con biết mà. Sự sống mới luôn rất đặc biệt. Hãy cứ đợi đến khi con nhìn thấy những chú chim non đáng yêu như thế nào!”

***

Farah could wait, and she didn’t care how long it might take.

Zara wanted the sparrow’s eggs to hatch now. Or, even better, yesterday! Occasionally, Zara saw the sparrow roll her eggs or rearrange the featherbed on which they rested. Now and then it flew away for a short while.

The temptation to stand on the *edge* of the lemon tree’s tub and *peep* into the nest was huge.

***

Farah có thể đợi và chị ấy không quan tâm phải đợi trong bao lâu.

Còn Zara thì muốn trứng chim sẻ nở ngay lập tức. Hay, thậm chí tốt hơn, là nở từ hôm qua! Thỉnh thoảng, Zara nhìn thấy chim sẻ mẹ lăn các quả trứng hoặc sửa soạn lại lớp đệm lót bằng lông cho con. Đôi khi nó bay đi một lát.

Cái ý nghĩ đứng trên *mép chậu* cây chanh và *nhìn trộm* vào cái tổ có sức cám dỗ cực lớn!

CHAPTER 4 - CHƯƠNG 4

Zara couldn't *resist*.

She saw four little eggs, speckled brown, each with a different *pattern*. They looked like the painted beads of a big, beautiful necklace. Two sparrows flapped around the balcony in a state of panic. One landed, trying to *distract* her by dragging its wing as if it were broken.

***

Zara không thể *cưỡng lại* nổi.

Cô nhìn thấy bốn quả trứng nhỏ xíu, lốm đốm nâu, mỗi quả có một *hoa văn* khác nhau. Trông chúng như những cái hạt được sơn màu của một vòng cổ to xinh đẹp. Hai con chim sẻ hoảng loạn vỗ cánh chao lượn quanh ban công. Một con đáp xuống, cố gắng khiến cô *xao lãng* bằng cách kéo rê cánh giống như cánh bị gãy vậy.

***

Zara reached out and picked up one of the eggs. It was warm and smooth. Climbing down from the tub to inspect it more closely, the thin shell cracked between her fingers.

Fluid began oozing from the egg. Zara saw that the yellow of the yolk was streaked with blood. Horrified, she dropped the egg and let out a small cry.

***

Zara vươn tay lấy một quả trứng. Nó âm ấm và trơn láng. Khi đang leo xuống khỏi cái chậu để quan sát kỹ hơn thì vỏ trứng mỏng vỡ ra giữa những ngón tay của cô.

Chất lỏng từ trong trứng bắt đầu rỉ ra. Zara nhìn thấy màu vàng của lòng đỏ vằn vện những vệt máu. Hoảng sợ, cô nàng thả rơi quả trứng và bật khóc.

Farah came running. Her mouth fell open at the sight of the lifeless pink creature that was partly visible in the mess.

“You did that, didn’t you? You do realise it wasn’t ready to hatch, don’t you? The mother will abandon her nest now, you know. I thought you liked those sparrows.”

***

Farah chạy ra. Miệng chị mở to khi nhìn thấy sinh vật màu hồng nằm bất động trong đống nhầy nhụa.

“Là em làm, phải không? Em thừa biết là nó chưa đến lúc nở mà, không phải sao? Mẹ sẽ dẹp bỏ cái tổ đi cho coi, em biết mà. Chị tưởng là em thích những con chim sẻ đó đấy.”

Zara brought her hands to her face and wailed. Moments later, Ibu and Nenek appeared at the door. Nenek wrapped Zara in a hug.

“Zara just couldn’t bear to wait,” Farah said.

“Don’t be so cold,” Ibu told Farah. “Can’t you see how upset she is?”

***

Zara ôm mặt rên rỉ khóc. Một lát sau, mẹ và bà xuất hiện ở cửa. Bà ôm Zara vào lòng.

“Chỉ vì Zara không thể đợi được đó”, Farah nói.

“Đừng trách em nữa”, mẹ nói với Farah. “Con không thấy em buồn lắm rồi sao?”

Ibu was right - Zara was *heartbroken*. But Zara also knew that what her sister had said was true. She had done something terrible out of sheer impatience.

“Never again,” she thought. “Never, ever again.”

***

Mẹ nói đúng - Zara rất *đau khổ*. Nhưng Zara cũng hiểu rằng những lời chị nói rất đúng. Cô đã làm một việc kinh khủng chỉ vì cái tính thiếu kiên nhẫn.

“Sẽ không bao giờ như thế nữa”, cô tự nhủ. “Không bao giờ, không bao giờ như thế nữa.”

“Look,” Nenek said softly. “We’re all sad about this, but the mother bird has returned to her nest. Her other eggs will be okay. And look at those beans too, darling! You didn’t tell me about those… ” Zara looked, first at the nest and then at the balcony rail.

***

“Cháu à”, bà nhẹ nhàng nói. “Chúng ta đều rất buồn về việc này, nhưng chim mẹ đã quay về tổ rồi. Những quả trứng khác sẽ không sao cả. Còn nữa, hãy nhìn những cây đậu kia kìa, cháu yêu! Cháu chưa kể với bà về chúng…”. Zara đưa mắt nhìn, đầu tiên là cái tổ và sau đó là thành ban công.

One, two, three… In fact, lots of bean pods were hiding in the mass of *heart-shaped* leaves.

“Should we pick one?” Ibu asked.

“No,” Zara said firmly. “They are not quite ready.”

From that day on, everybody noticed changes in Zara. Like her balcony garden, and like the three sparrow chicks that cheep-cheep-cheeped all day long outside, it was her time to grow.

Farah still liked to test her patience. And Zara still felt restless waiting for yummy cakes to bake.

But she could, and she *did* - and that was all that mattered.

***

Một, hai, ba... Thật sự, rất nhiều quả đậu đang ẩn mình trong khóm lá *hình trái tim*.

“Chúng ta có nên hái một quả không nhỉ?”, bà hỏi.

“Không ạ!”, Zara cương quyết. “Chúng vẫn chưa chín hẳn đâu ạ!”

Từ hôm đó trở đi, mọi người đều nhận thấy sự thay đổi ở Zara. Giống như khu vườn ban công và giống như ba chú chim sẻ non kêu chíp chíp suốt ngày ngoài kia, đã đến lúc Zara lớn lên.

Farah vẫn thích thử thách độ kiên nhẫn của cô em gái. Và Zara vẫn cảm thấy bồn chồn không yên khi chờ mẹ nướng những mẻ bánh ngọt thơm ngon.

Tuy nhiên, cô đã có thể chờ, và cô *đã làm được* - đó mới là điều quan trọng nhất!

DISCUSSION QUESTIONS - CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1) Zara was sure that her cake was ready to be taken out of the oven, but Ibu said it needed a little longer. If you had the chance to talk to Zara while her cake was in the oven, what would you say to her?

2) Common sayings mentioned in the story include: “Patience is a virtue” and “The early bird gets the worm”. What do you think these mean? What is the difference between the two?

3) When Zara’s plants were starting to grow, she harvested the baby kale and over-watered the strawberry plants. What happened to the kale and strawberry plants as a result?

4) Why was it difficult for Zara to wait until the sparrow’s eggs hatched? How did Zara feel when she accidentally cracked one of the eggs? Why?

5) What did Farah say to Zara when she saw the cracked egg? Did that help Zara?

6) Ibu tried to console Zara when she broke the egg. How would you feel if you were Zara at that moment?

7) Although the bean pods in the garden were ripening, Zara did not pick them. Why not?

8) Did Zara’s experiences in the story teach her about the importance of patience? Do you think she will ever feel impatient in future?

9) Look up the word “patience” in your dictionary. Give examples of patient words, actions or behaviour.

10) Do you know someone who is impatient? Explain how a

situation can be better if a person shows patience.

***

1. Zara chắc chắn rằng cái bánh của cô đã sẵn sàng để có thể đưa ra khỏi lò nướng, nhưng mẹ lại nói cần chờ thêm chút nữa. Nếu có cơ hội nói chuyện với Zara trong khi bánh của cô còn trong lò, em sẽ nói gì?

2. Những câu châm ngôn được đề cập đến trong truyện gồm có: "Kiên nhẫn là một đức tính tốt" và "Con chim nào đến sớm thì mới bắt được sâu". Em nghĩ những câu này có nghĩa là gì? Sự khác nhau giữa hai câu này là gì?

3. Khi cây của Zara bắt đầu lớn lên, cô đã thu hoạch cải xoăn kale còn non và tưới quá nhiều nước cho những cây dâu tây. Kết quả thì điều gì đã xảy đến cho những cây cải xoăn kale và dâu tây?

4. Tại sao Zara lại khó chờ đợi cho đến khi những quả trứng chim sẻ nở? Zara cảm thấy như thế nào khi vô tình làm vỡ một trong những quả trứng? Tại sao?

5. Farah đã nói gì với Zara khi chị ấy nhìn thấy quả trứng vỡ? Điều này có giúp ích gì cho Zara không?

6. Mẹ cố gắng an ủi Zara khi cô làm vỡ quả trứng. Em sẽ cảm thấy như thế nào nếu lúc đó em là Zara?

7. Mặc dù những quả đậu trong vườn đang chín nhưng Zara không hái chúng. Tại sao lại không?

8. Những việc Zara trải qua trong câu chuyện có dạy cho cô về tầm quan trọng của sự kiên nhẫn không? Em có nghĩ trong tương lai bạn ấy còn tiếp tục thiếu kiên nhẫn nữa không?

9. Hãy tra từ điển xem nghĩa của từ "kiên nhẫn". Hãy cho ví dụ về những lời nói, hành động hay hành vi thể hiện tính kiên nhẫn.

10. Em có biết ai thiếu kiên nhẫn không? Hãy kể về một tình huống và giải thích xem mọi việc có thể tốt đẹp hơn như thế nào nếu người đó tỏ ra kiên nhẫn?